

**BẢNG TIÊU CHÍ XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CẤP KHOA
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2018 - 2019**

Khóa/ Ngành	SL SV	Học phí/ 1SV/học kỳ	Tổng Học phí toàn trường	Số tiền trích Học bổng (8%)	Tỉ lệ % trích HB	Số tiền còn phải chi	Quỹ Học bổng của từng ngành	Số suất HB chuẩn	Số suất Học bổng			Tổng Số tiền Học bổng	Chênh lệch
									XS	G	K		
1	2	3	4=3*2	5=4*8%	6=5/S cột 5	7=6*B	8=5+7	9	10	11	12	13	14 = 8-13
2016													
KHMT	125	3,990,000	498,750,000	39,900,000	11%	4,177,139	44,077,139	16		8	11	44,289,000	(211,861)
HTTTQL	67	3,060,000	205,020,000	16,401,600	4%	1,717,087	18,118,687	8	5	1		17,442,000	676,687
2017													
KHMT	181	6,490,000	1,174,690,000	93,975,200	25%	9,838,282	103,813,482	23	10	8		101,244,000	2,569,482
HTTTQL	128	6,280,000	803,840,000	64,307,200	17%	6,732,333	71,039,533	16	8	5		72,220,000	(1,180,467)
2018													
KHMT	108	5,640,000	609,120,000	48,729,600	13%	5,101,511	53,831,111	14	2	6	7	54,708,000	(876,889)
HTTTQL	93	5,430,000	504,990,000	40,399,200	11%	4,229,400	44,628,600	12		6	8	44,526,000	102,600
CNTT	156	5,640,000	879,840,000	70,387,200	19%	7,368,849	77,756,049	20		14	8	77,832,000	(75,951)
TỔNG	858	36,530,000	4,676,250,000	374,100,000	100%	39,164,600	413,264,600	108	25	48	34	412,261,000	1,003,600

- A: Quỹ học bổng nhà trường phân bổ

413,264,600 đồng

- B = A - S cột 5: Chênh lệch của Quỹ Học bổng nhà trường và tỷ lệ trích của Khoa

39,164,600 đồng

- Cột 17 <= 0; Trường hợp C chưa <=0 các Khoa tiếp tục cân đối số suất HB cho đến hết phần kinh phí đã được phân bổ

- Căn cứ điểm trung bình học tập và điểm rèn luyện các Khoa xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết số suất HB theo kinh phí đã được phân bổ

Ghi chú:

- Cột 16 = (Cột 13 x Cột 6 x 130%) + (Cột 14 x Cột 6 x 110%) + (Cột 15 x Cột 6 x 100%)

Cột 9:

- Khóa 2016, 2017, 2018: =cột 8/(cột 2*70%) (do suất chuẩn là giới 70%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO KHOA

Trương Hoàng Vinh